

KẾT QUẢ THI NĂNG KHIẾU - TUYỂN SINH NĂM 2025
NGÀNH THANH NHẠC

Kỳ thi từ ngày 29/7/2025 đến ngày 30/7/2025

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
1	25CVN003	LÊ VIỆT THỦY AN	Nữ	27/10/2003	2021	KV2-NT	0.5	Không có	0	9	8	26	26.5	TT	
2	25CVN004	PHẠM NGỌC TRƯỜNG AN	Nam	21/04/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
3	25CVN009	HOÀNG KỲ ANH	Nam	11/08/1999	2017	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
4	25CVN010	ĐINH VĂN HƯNG ANH	Nam	08/02/2003	2021	KV2-NT	0.5	Không có	0	9	8.5	26.5	27	TT	
5	25CVN012	HÀ TRẦN ĐỨC ANH	Nam	25/07/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
6	25CVN013	PHẠM VƯƠNG ANH	Nữ	25/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	6.75	7	20.5	20.5	-	
7	25CVN015	TRẦN MINH ANH	Nữ	16/02/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
8	25CVN018	TRẦN HOÀNG NHẬT ANH	Nữ	27/04/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
9	25CVN019	TRẦN DƯƠNG HOÀNG ANH	Nữ	11/01/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
10	25CVN022	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	04/02/2006	2024	KV3	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
11	25CVN023	VÕ HÀ LAN ANH	Nữ	18/10/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8.75	24.75	25.5	TT	
12	25CVN031	HỒ LÊ MINH ANH	Nữ	18/10/2005	2023	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26	TT	
13	25CVN034	TRẦN VŨ GIA ÂN	Nữ	04/08/2004	2022	KV1	0.75	Không có	0	8	7.75	23.75	24.5	TT	
14	25CVN037	BÙI LÂM HUY BÁCH	Nam	07/03/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.75	8.5	26	26.25	TT	
15	25CVN038	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	24/04/2005	2023	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
16	25CVN039	NGUYỄN THÁI BẢO	Nam	10/07/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
17	25CVN040	LÊ CHÍ BẢO	Nam	03/02/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26.25	TT	
18	25CVN041	LÊ KHOA BẢO	Nam	22/01/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8.25	24.25	24.25	TT	
19	25CVN042	BÙI DƯƠNG HOÀNG BẢO	Nữ	09/08/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
20	25CVN045	HOÀNG GIA BẢO	Nam	29/06/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
21	25CVN047	NGUYỄN ĐĂNG CHÍ BẢO	Nam	23/07/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
22	25CVN051	PHẠM GIA BẢY	Nam	07/07/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	0	0	0	0.25	-	
23	25CVN052	NGUYỄN HỒNG BĂNG	Nữ	14/03/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.25	8.25	24.75	25.25	TT	
24	25CVN053	LÊ NGUYỄN TUYẾT BĂNG	Nữ	01/09/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.5	7.5	24.5	24.75	TT	
25	25CVN054	NGUYỄN TÔ NGỌC BÍCH	Nữ	08/04/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8.5	9	26	26	TT	
26	25CVN055	PHẠM NGUYỄN BÌNH	Nam	09/01/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8.5	9.5	26.5	26.5	TT	
27	25CVN056	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	14/07/1997	2015	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
28	25CVN057	PHẠM PHƯỚC BÌNH	Nam	29/09/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
29	25CVN061	HỒ ASIN BYÃ	Nam	10/11/2007	2025	KV2	0.25	ĐT06	1	8.75	8	25.5	26.75	TT	
30	25CVN062	ĐÀM ĐẶNG NHÃ CA	Nữ	31/10/2006	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
31	25CVN063	ĐÀO NGUYỄN VĨ CẨM	Nữ	15/08/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
32	25CVN065	NGÔ THẾ CƯỜNG	Nam	28/04/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	5.5	5	16	16.25	-	
33	25CVN066	TRẦN ĐÌNH CHÁNH	Nam	29/09/2005	2023	KV3	0	Không có	0	6	5	17	17	-	
34	25CVN068	DƯƠNG MINH CHÂU	Nữ	04/08/2006	2024	KV3	0	Không có	0	6	5	17	17	-	
35	25CVN072	CHO LIENG K CHEN	Nữ	17/05/2003	2021	KV1	0.75	ĐT01	2	8	8	24	26.75	TT	
36	25CVN073	NGUYỄN HỒ QUỲNH CHI	Nữ	19/01/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
37	25CVN075	NGUYỄN DƯƠNG HỒNG DIỄM	Nữ	16/04/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7	22	22.5	-	
38	25CVN076	VÕ KHÁNH DU	Nam	21/10/2001	2019	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM <i>(chưa có điểm ưu tiên)</i>	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN <i>(Điểm chuẩn 23.0)</i>	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
39	25CVN078	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	20/04/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
40	25CVN079	VÕ ANH DUY	Nam	06/04/1994	2013	KV2	0.25	ĐT03	2	8	8	24	26.25	TT	
41	25CVN081	KIÊN GIA BẢO DUY	Nam	25/05/2005	2023	KV3	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
42	25CVN085	NGÔ HOÀNG KHÁNH DUY	Nam	19/01/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
43	25CVN088	KIỀU TÙNG DƯƠNG	Nam	05/09/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26.25	TT	
44	25CVN091	ĐOÀN NGỌC DƯƠNG	Nam	17/07/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	7	6	20	20.75	-	
45	25CVN093	LÊ TÙNG DƯƠNG	Nam	13/07/2001	2019	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
46	25CVN095	ĐÀO TIỀN ĐẠT	Nam	03/01/2000	2018	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
47	25CVN099	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	25/11/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8	25	25.25	TT	
48	25CVN104	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	02/06/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
49	25CVN106	ĐINH VŨ NGỌC ĐIỆP	Nữ	05/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
50	25CVN107	NGUYỄN HÀ ĐIỆP	Nữ	10/09/2003	2021	KV2-NT	0.5	ĐT06	1	8	8	24	25.5	TT	
51	25CVN108	LÊ TẤN ĐỨC	Nam	16/04/2004	2022	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
52	25CVN109	HỒ THỊ HỒNG GÁM	Nữ	19/04/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
53	25CVN110	VŨ MẠNH TRƯỜNG GIANG	Nam	18/02/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
54	25CVN111	CAO PHAN XUÂN GIANG	Nữ	03/07/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
55	25CVN113	ĐÀO TRẦN HÀ GIANG	Nữ	30/12/2006	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
56	25CVN116	NGUYỄN LÊ TÂM GIAO	Nữ	23/04/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
57	25CVN119	TRẦN THU HÀ	Nữ	21/08/2001	2019	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
58	25CVN120	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	05/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
59	25CVN123	VŨ NGỌC HẠNH	Nữ	18/05/2004	2022	KV3	0	Không có	0	8.75	8.75	26.25	26.25	TT	
60	25CVN124	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	16/10/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	6	18	18.5	-	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
61	25CVN125	VÕ VĂN CHÍ HÀO	Nam	05/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
62	25CVN126	NGUYỄN THỊ TÚ HẢO	Nữ	05/01/2006	2024	KV3	0	Không có	0	5	4	14	14	-	
63	25CVN127	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	16/11/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
64	25CVN131	HUỖNH BẢO HÂN	Nữ	28/11/2007	2025	KV3	0	Không có	0	9	9	27	27	TT	
65	25CVN133	LÊ TRẦN GIA HÂN	Nữ	08/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	6	5	17	17	-	
66	25CVN134	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	11/12/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8	25	25.25	TT	
67	25CVN138	ĐÔN THANH HIỀN	Nam	14/11/1997	2015	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
68	25CVN143	NGUYỄN MINH HIỀN	Nam	28/05/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	5	5	15	15.25	-	
69	25CVN145	BÁ ĐẠI HÌNH	Nam	27/05/2003	2021	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
70	25CVN146	NGUYỄN THANH HOÀI	Nữ	19/02/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
71	25CVN148	VŨ NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	01/12/2006	2024	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
72	25CVN150	HỒ VĂN HỌC	Nam	27/02/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.25	6.75	23.25	23.75	TT	
73	25CVN154	TRẦN ĐẠI QUỐC HÙNG	Nam	16/10/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.25	8	24.5	24.75	TT	
74	25CVN155	VÕ MẠNH HÙNG	Nam	19/02/2002	2020	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
75	25CVN158	NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	31/10/1999	2017	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7	22	22.5	-	
76	25CVN159	PHAN MINH HUY	Nam	14/02/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
77	25CVN161	TRẦN GIA HUY	Nam	03/06/2004	2022	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	7.75	24.75	25.25	TT	
78	25CVN162	TRƯƠNG QUỐC HUY	Nam	22/01/1999	2017	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
79	25CVN163	VÕ ĐỨC HUY	Nam	30/03/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7.5	22.5	23	TT	
80	25CVN165	LÊ GIA HUY	Nam	21/10/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
81	25CVN167	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	22/03/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	5.5	5.5	16.5	17	-	
82	25CVN170	NGUYỄN GIA HÙNG	Nam	01/09/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
83	25CVN171	TRẦN KHÁNH HƯNG	Nam	22/03/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
84	25CVN175	TRẦN THỊ MỸ HƯƠNG	Nữ	01/05/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	7.5	7.25	22.25	23	TT	
85	25CVN176	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	03/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
86	25CVN178	ĐÀO NGỌC KIÊN	Nam	02/02/2003	2021	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
87	25CVN179	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	24/05/2007	2025	KV3	0	Không có	0	5	5	15	15	-	
88	25CVN180	TRẦN TRÍ KIỆT	Nam	30/05/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8.5	24.5	24.75	TT	
89	25CVN183	NGUYỄN CHÁNH KIỆT	Nam	30/09/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.5	8	23	23.25	TT	
90	25CVN191	PHẠM TẤN KHẢI	Nam	21/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
91	25CVN193	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	14/12/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	4	16	16.5	-	
92	25CVN203	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	26/10/2005	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	6	18	18.5	-	
93	25CVN204	NGUYỄN TRẦN MINH KHOA	Nam	29/11/2005	2023	KV1	0.75	Không có	0	6	4	16	16.75	-	
94	25CVN206	HUỠNH ĐĂNG KHOA	Nam	27/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8.5	24.5	24.75	TT	
95	25CVN207	ĐÀO DUY KHOA	Nam	09/02/2002	2020	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
96	25CVN209	ĐẶNG ĐĂNG KHOA	Nam	21/05/2001	2019	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
97	25CVN211	TRƯƠNG KHẮC QUỐC KHOA	Nam	06/03/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	6.25	20.25	20.75	-	
98	25CVN212	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	26/08/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	6	6.25	18.25	18.5	-	
99	25CVN214	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	14/05/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
100	25CVN215	NGÔ NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	04/01/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
101	25CVN218	LÊ MINH KHÔI	Nam	24/10/2004	2022	KV1	0.75	Không có	0	6	6	18	18.75	-	
102	25CVN219	NGUYỄN NGỌC MINH KHÔI	Nam	04/11/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
103	25CVN220	TRƯƠNG HUỠNH KHÔI	Nam	04/12/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
104	25CVN221	NGUYỄN NHẬT MINH KHÔI	Nam	24/08/2004	2022	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
105	25CVN223	MAI HỮU MINH KHUÊ	Nữ	13/09/2004	2022	KV3	0	Không có	0	6	6	18	18	-	
106	25CVN224	VÕ THỊ KIM KHUÊ	Nữ	12/05/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
107	25CVN227	NGUYỄN DIỆP QUỲNH LAM	Nữ	30/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
108	25CVN229	LÊ NHỰT LÂM	Nam	08/12/2006	2024	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7	22	22.25	-	
109	25CVN232	HUỲNH NGỌC TÚ LINH	Nữ	20/04/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
110	25CVN233	QUÁCH CẨM LINH	Nữ	08/02/1996	2015	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8	25	25.25	TT	
111	25CVN234	HOÀNG TRÚC LINH	Nữ	01/11/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
112	25CVN237	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	10/09/2006	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
113	25CVN238	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	06/01/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
114	25CVN239	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	13/04/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.75	8.75	24.25	24.25	TT	
115	25CVN241	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	Nữ	20/02/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	6	6	18	18.75	-	
116	25CVN243	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	02/10/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	5	4	14	14.75	-	
117	25CVN247	BÁ MINH LONG	Nam	18/04/2000	2018	KV2NT	0.5	ĐT01	2	8.25	8	24.5	27	TT	
118	25CVN251	CAO VĂN LỢI	Nam	04/05/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	6	20	20.5	-	
119	25CVN252	NGUYỄN KHẢI LUÂN	Nam	08/05/1998	2017	KV3	0	ĐT03	2	8.5	8.75	25.75	27.75	TT	
120	25CVN253	ĐỖ THỊ CẨM LY	Nữ	05/08/2003	2021	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.25	7	21.5	22	-	
121	25CVN254	ĐỖ THỊ CẨM LY	Nữ	01/08/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8.5	24.5	24.75	TT	
122	25CVN255	PHẠM NGỌC MAI	Nữ	05/06/1992	2011	KV2	0.25	Không có	0	3	6	12	12.25	-	
123	25CVN257	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	13/09/1999	2017	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
124	25CVN258	NGUYỄN MINH MẶN	Nam	22/07/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6.25	7.25	19.75	20.25	-	
125	25CVN259	TRƯƠNG CHỈ MẾN	Nam	01/12/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	4	16	16.5	-	
126	25CVN261	NGUYỄN ANH MINH	Nam	31/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
127	25CVN262	NGÔ CÔNG MINH	Nam	08/09/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
128	25CVN263	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	19/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	6	4	16	16	-	
129	25CVN264	HOÀNG ANH MINH	Nam	28/07/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	4	16	16.5	-	
130	25CVN265	BÀNH QUỐC MINH	Nam	29/10/1999	2025	KV3	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
131	25CVN266	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	31/10/2001	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
132	25CVN267	NGUYỄN LÊ TUYẾT MINH	Nữ	24/07/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
133	25CVN268	ĐINH KHẢ MY	Nữ	26/08/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	5.5	5.5	16.5	16.75	-	
134	25CVN273	TRẦN DUY NAM	Nam	04/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
135	25CVN274	NGÔ THÙY NI NI	Nữ	08/05/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
136	25CVN276	TRẦN NỮ ĐAN NY	Nữ	17/01/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8.75	8.75	26.25	27	TT	
137	25CVN278	NGUYỄN NGỌC NGÂN	Nam	25/09/2004	2022	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
138	25CVN282	NGUYỄN HUỲNH TUYẾT NGÂN	Nữ	04/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
139	25CVN284	TRẦN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	21/05/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
140	25CVN287	PHẠM NGUYỄN SINH NGHĨA	Nam	10/01/2001	2019	KV3	0	Không có	0	5	5.5	15.5	15.5	-	
141	25CVN288	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	01/08/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	4	4	12	12.5	-	
142	25CVN290	NGÔ KIM NGỌC	Nữ	27/10/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8.25	7.75	24.25	25	TT	
143	25CVN291	TÂN BÍCH NGỌC	Nữ	29/04/2007	2025	KV3	0	ĐT06	1	6	4	16	17	-	
144	25CVN294	TRƯƠNG HUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	10/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
145	25CVN295	HUỲNH XỬ TRUNG NGUYỄN	Nam	10/03/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	6.5	6	19	19.5	-	
146	25CVN299	PHẠM LÂM NGUYỄN	Nam	18/09/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8.25	7.75	24.25	24.25	TT	
147	25CVN302	DƯƠNG HOÀNG NHÂN	Nam	19/05/2005	2023	KV3	0	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.5	-	
148	25CVN303	NGUYỄN HÙNG NHÂN	Nam	21/09/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
149	25CVN304	ĐÀO TRÍ NHÂN	Nam	22/02/2000	2018	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
150	25CVN305	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	17/03/2004	2022	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
151	25CVN306	NGUYỄN NHẬT YẾN NHI	Nữ	17/05/2002	2020	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
152	25CVN310	TRƯƠNG YẾN NHI	Nữ	10/08/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
153	25CVN312	VÕ NGUYỄN UYÊN NHI	Nữ	24/09/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	7.5	7.25	22.25	23	TT	
154	25CVN314	NGÔ NGỌC YẾN NHI	Nữ	21/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7	22	22.25	-	
155	25CVN316	NGUYỄN AN NHIÊN	Nam	07/11/2005	2024	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
156	25CVN320	LÂM BẢO NHƯ	Nữ	13/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	6	6	18	18	-	
157	25CVN323	PHẠM NGUYỄN KHÁNH NHƯ	Nữ	26/01/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.5	-	
158	25CVN324	NGUYỄN ĐÔNG NHƯ	Nữ	30/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.25	8.25	24.75	24.75	TT	
159	25CVN325	NGUYỄN THỊ Ý NHƯ	Nữ	09/12/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	6.75	6.25	19.75	20.25	-	
160	25CVN326	HOÀNG NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	17/10/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
161	25CVN328	TÔ TIÊU OANH	Nữ	04/07/2007	2025	KV1	0.75	ĐT01	2	6.75	7.25	20.75	23.5	TT	
162	25CVN330	TRƯƠNG NHẬT PHẠM	Nam	21/02/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
163	25CVN331	LÊ QUỐC PHÁP	Nam	11/08/2003	2021	KV2-NT	0.5	Không có	0	5	5	15	15.5	-	
164	25CVN332	VŨ ĐỨC PHÁT	Nam	04/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
165	25CVN335	ĐINH ĐẠI PHÁT	Nam	09/05/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
166	25CVN336	NGUYỄN ĐÌNH PHÁT	Nam	27/08/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
167	25CVN337	LÊ TÙNG PHÁT	Nam	14/02/2004	2022	KV2	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
168	25CVN338	NGUYỄN THANH PHI	Nam	20/11/1999	2017	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
169	25CVN340	LÊ THANH PHONG	Nam	15/06/2004	2022	KV2-NT	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
170	25CVN341	LÂM NGUYỄN HUY PHONG	Nam	27/10/2004	2022	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM <i>(chưa có điểm ưu tiên)</i>	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN <i>(Điểm chuẩn 23.0)</i>	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
171	25CVN342	TĂNG THIÊN PHÚ	Nam	08/08/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
172	25CVN344	NGUYỄN TIẾN PHÚ	Nam	07/04/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.25	8	24.5	24.75	TT	
173	25CVN345	NGUYỄN THANH PHÚ	Nam	04/11/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	5.5	5	16	16.25	-	
174	25CVN350	HỨA HOÀNG PHÚC	Nam	02/05/2003	2024	KV3	0	Không có	0	9	8.5	26.5	26.5	TT	
175	25CVN351	PHÙNG ĐĂNG PHÚC	Nam	14/01/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
176	25CVN353	PHAN DUY PHÚC	Nam	29/12/2004	2022	KV3	0	Không có	0	8	8.25	24.25	24.25	TT	
177	25CVN360	HUỖNH NGUYỄN BỬU PHƯƠNG	Nam	20/07/2000	2018	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
178	25CVN361	NGUYỄN LÂM NGHI PHƯƠNG	Nữ	20/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
179	25CVN363	CÁI THUỶ PHƯƠNG	Nữ	05/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
180	25CVN366	LÊ PHẠM HOÀNG QUÂN	Nam	02/02/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
181	25CVN368	HUỖNH NGỌC BẢO QUÂN	Nữ	05/08/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
182	25CVN369	NGUYỄN HUỖNH MINH QUÂN	Nam	02/03/2001	2019	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
183	25CVN370	NGUYỄN HỮU MINH QUÂN	Nam	10/06/2003	2021	KV3	0	Không có	0	4	4	12	12	-	
184	25CVN374	NGUYỄN PHẠM NHẬT QUYÊN	Nữ	11/01/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
185	25CVN375	BÙI THỊ TÚ QUYÊN	Nữ	23/03/2006	2024	KV2	0.25	Không có	0	6	5	17	17.25	-	
186	25CVN377	NGUYỄN THỊ KHÁNH QUYÊN	Nữ	26/10/2003	2024	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
187	25CVN379	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/01/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
188	25CVN380	MAI BẢO QUỲNH	Nam	02/04/2000	2018	KV2-NT	0.5	ĐT03	2	8.25	7	23.5	26	TT	
189	25CVN384	PHẠM MINH SANG	Nam	06/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7.75	23.75	24	TT	
190	25CVN385	LÊ TRỊNH SANG	Nam	30/07/2005	2025	KV2	0.25	Không có	0	6.5	7	20	20.25	-	
191	25CVN386	Y SOẠN	Nữ	11/09/2007	2025	KV2	0.25	ĐT01	2	7.5	7	22	24.25	TT	
192	25CVN387	LÊ HIỀN SƠN	Nam	06/06/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
193	25CVN388	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	26/10/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
194	25CVN389	MẠCH HỒNG SƠN	Nam	21/01/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7.5	22.5	23	TT	
195	25CVN390	TRẦN HOÀNG SƠN	Nam	08/05/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
196	25CVN391	TRƯƠNG THANH SƠN	Nam	02/07/2004	2022	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
197	25CVN392	TRẦN CHÍ TÀI	Nam	24/08/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
198	25CVN394	NGUYỄN HOÀNG NHẬT TÂM	Nam	01/09/2005	2023	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
199	25CVN396	NGUYỄN NGỌC TÂM	Nam	04/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
200	25CVN397	BÙI THỊ THANH TÂM	Nữ	18/08/2002	2020	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
201	25CVN398	NGUYỄN CAO TUỜNG TÂM	Nữ	05/03/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.25	8	24.5	24.75	TT	
202	25CVN401	LÊ VIỆT TÂN TÂM	Nam	14/10/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	7.5	8	23	23.75	TT	
203	25CVN403	PHẠM HOÀNG TIẾN	Nam	02/08/2007	2025	KV2	0.25	ĐT06	1	8	8	24	25.25	TT	
204	25CVN404	TRẦN THỊ THỦY TIẾN	Nữ	26/09/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26.25	TT	
205	25CVN405	NGUYỄN QUANG TIẾN	Nam	02/05/2004	2023	KV1	0.75	ĐT03	2	5	5.5	15.5	18.25	-	
206	25CVN406	ĐẶNG NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	05/05/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
207	25CVN407	TRẦN NGUYỄN TIẾN	Nam	20/09/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	6.75	8	21.5	21.75	-	
208	25CVN409	ĐẶNG TRẦN CHÁNH TÍN	Nam	17/05/2004	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	5	17	17.5	-	
209	25CVN410	TRƯƠNG TRỌNG TÍN	Nam	11/07/2005	2023	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
210	25CVN411	NGÔ THỊ MỘNG TÌNH	Nữ	06/01/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26	TT	
211	25CVN412	NGUYỄN GIA TOÀN	Nam	16/11/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
212	25CVN413	TRẦN QUỐC TOÀN	Nam	03/06/2001	2019	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
213	25CVN414	DANH CAO CHÍ TOÀN	Nam	25/09/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.75	7.75	23.25	23.25	TT	
214	25CVN420	TRÀ THỊ CẨM Tú	Nữ	23/03/2002	2020	KV2	0.25	Không có	0	8.5	7.5	24.5	24.75	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
215	25CVN427	PHÙNG MỸ TUỆ	Nữ	29/10/2002	2020	KV3	0	ĐT06	1	8	8	24	25	TT	
216	25CVN429	HỒNG THUY CẨM TUYỀN	Nữ	08/01/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
217	25CVN432	PHẠM ÁNH TUYẾT	Nữ	18/11/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.75	22.75	23	TT	
218	25CVN433	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	24/03/2005	2023	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
219	25CVN436	TỔNG THÀNH TỶ	Nam	12/03/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.75	23.75	24.25	TT	
220	25CVN441	LÊ HOÀNG THÀNH	Nam	03/05/2005	2023	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
221	25CVN447	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	22/06/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.5	-	
222	25CVN448	TRẦN NGUYỄN DIỆU THẢO	Nữ	01/08/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.5	23.5	24	TT	
223	25CVN450	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	28/09/2006	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	4	4	12	12.5	-	
224	25CVN451	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/11/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
225	25CVN452	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	Nữ	29/08/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
226	25CVN453	CHÀO VĂN THẮNG	Nam	20/04/2005	2023	KV2	0.25	ĐT01	2	8	8	24	26.25	TT	
227	25CVN455	CUNG ĐỨC THẮNG	Nam	03/12/2001	2019	KV3	0	Không có	0	7.5	8	23	23	TT	
228	25CVN460	LÊ BÁ THIÊN	Nam	06/12/2002	2020	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8	25	25.75	TT	
229	25CVN461	TRẦN QUỐC THIỆN	Nam	07/08/2000	2017	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
230	25CVN462	NGUYỄN NGỌC THIỆN	Nam	15/10/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
231	25CVN463	TRẦN VIỆT THỊNH	Nam	21/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7.75	23.75	24	TT	
232	25CVN465	ĐINH PHÚ THỊNH	Nam	27/08/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7.5	22.5	23	TT	
233	25CVN466	NGUYỄN PHÚC THỊNH	Nam	06/04/2005	2025	KV3	0	Không có	0	7.25	8	22.5	22.5	-	
234	25CVN467	TRẦN THỊ KIM THOA	Nữ	13/08/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	7	7.5	21.5	22.25	-	
235	25CVN468	BÙI THỊ TRANG THƠ	Nữ	20/06/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
236	25CVN469	LƯƠNG NGỌC THUẬN	Nam	21/05/2004	2022	KV2-NT	0.5	Không có	0	5.5	5.5	16.5	17	-	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
237	25CVN470	NGUYỄN KHÁNH THUẬN	Nam	15/01/1995	2013	KV2-NT	0.75	Không có	0	6.5	8	21	21.75	-	
238	25CVN476	TRỊ NGỌC ANH THU'	Nữ	13/05/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8.25	7.5	24	24	TT	
239	25CVN477	LIÊU MINH THU'	Nữ	23/05/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
240	25CVN478	NGUYỄN ANH THU'	Nữ	06/07/2004	2022	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
241	25CVN481	NGUYỄN HOÀNG MINH THU'	Nữ	07/08/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
242	25CVN484	NGUYỄN HOÀI CA THƯỢNG	Nữ	04/03/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
243	25CVN485	NGUYỄN HUY THƯỢNG	Nam	16/07/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	7	7	21	21.75	-	
244	25CVN487	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	Nữ	26/09/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
245	25CVN488	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	Nữ	22/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
246	25CVN489	NGUYỄN MAI THY	Nữ	24/11/2006	2024	KV3	0	Không có	0	6.25	6.25	18.75	18.75	-	
247	25CVN490	NGUYỄN ANH THY	Nữ	03/05/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	9	25	25	TT	
248	25CVN492	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	16/05/2006	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
249	25CVN493	ĐỖ THỊ ĐOAN TRANG	Nữ	08/09/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
250	25CVN498	LÊ NGỌC PHƯƠNG TRÂM	Nữ	22/04/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
251	25CVN500	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	Nữ	25/04/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
252	25CVN501	NGUYỄN TRẦN THẢO TRÂN	Nữ	01/05/2003	2021	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8	25	25.5	TT	
253	25CVN504	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	28/09/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
254	25CVN505	VÕ MINH TRÍ	Nam	20/03/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
255	25CVN508	NGUYỄN TƯỜNG TÂN TRIỆU	Nam	21/08/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6	6	18	18.5	-	
256	25CVN509	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	29/07/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
257	25CVN510	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH	Nữ	03/01/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7.75	7.5	23	23.25	TT	
258	25CVN512	LÊ NGỌC KIỀU TRINH	Nữ	22/02/1993	2011	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
259	25CVN514	LÊ QUỐC TRỌNG	Nam	27/04/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.5	23.5	24	TT	
260	25CVN517	NGÔ NGỌC TRÚC	Nữ	12/07/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	-	
261	25CVN518	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	11/04/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	6.25	6.25	18.75	19.5	-	
262	25CVN520	HUỖNH VĂN TRUNG	Nam	13/05/2006	2024	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
263	25CVN521	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	23/08/2005	2023	KV2-NT	0.5	Không có	0	5.75	5	16.5	17	-	
264	25CVN522	LƯU CÔNG TRUNG	Nam	08/05/2002	2020	KV2-NT	0.5	Không có	0	5	5	15	15.5	-	
265	25CVN523	LÃNG ĐỨC TRUNG	Nam	20/03/2005	2023	KV2	0.25	Không có	0	8	8.5	24.5	24.75	TT	
266	25CVN524	TRẦN MINH TRƯỜNG	Nam	10/03/2004	2022	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
267	25CVN525	NGUYỄN DUY UYÊN	Nữ	13/12/2005	2023	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
268	25CVN527	LÊ LONG VĂN	Nam	02/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	-	
269	25CVN530	PHẠM LƯƠNG YẾN VI	Nữ	30/09/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8.5	24.5	25	TT	
270	25CVN535	ĐỒNG QUỐC VIỆT	Nam	04/05/1999	2017	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
271	25CVN536	LƯƠNG PHÚC VINH	Nam	28/03/2005	2023	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
272	25CVN537	LÊ PHÙNG QUỐC VINH	Nam	13/01/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	6.25	6.75	19.25	19.75	-	
273	25CVN538	PHẠM LÊ ANH VŨ	Nam	30/09/2003	2021	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
274	25CVN539	HOÀNG VĂN VŨ	Nam	15/07/2005	2023	KV2-NT	0.25	Không có	0	6.5	4	17	17.25	-	
275	25CVN540	NGUYỄN THANH VŨ	Nam	22/04/2006	2024	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
276	25CVN542	PHẠM NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	21/03/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	5.5	5.5	16.5	17	-	
277	25CVN545	VÕ SĨ TRIẾT VY	Nữ	07/08/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
278	25CVN546	LÝ NGỌC THẢO VY	Nữ	19/02/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.5	7.25	22.25	22.25	-	
279	25CVN550	NGUYỄN ĐOÀN HẠ VY	Nữ	07/07/2005	2023	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	7.5	24.5	25	TT	
280	25CVN551	PHAN CHÍ VỸ	Nam	24/06/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8	25	25.5	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
281	25CVN554	LÝ ĐÌNH TÂM VỸ	Nam	22/11/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
282	25CVN555	LÊ TUẤN VỸ	Nam	22/01/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
283	25CVN556	NGUYỄN VÕ ÁI XUÂN	Nữ	15/09/2002	2023	KV3	0	Không có	0	8	8.75	24.75	24.75	TT	
284	25CVN557	LÊ NGỌC NHƯ Ý	Nữ	25/01/2006	2024	KV1	0.75	Không có	0	6	5	17	17.75	-	
285	25CVN560	TRỊ THỊ NGỌC Ý	Nữ	12/08/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	9	8.75	26.75	27.5	TT	
286	25CVN561	VÕ NHƯ Ý	Nữ	07/09/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8.5	24.5	25.25	TT	
287	25CVN563	BÙI HẢI YẾN	Nữ	02/11/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	

Danh sách: 287
Nam: 162
Nữ: 125

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2025
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH